TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2023/KDTM-ST
Ngày 17-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán và lắp đặt thiết bị

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Việt Bắc

Ông Trần Minh Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng mua bán và lắp đặt thiết bị theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần C

Trụ sở: Số 103T, phường A, quận K, Thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thu H, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Minh T, sinh năm 1980; chức vụ: Ban kiểm soát Công ty C – Theo Giấy ủy quyền số: 166/GUQ.CKĐM ngày 29-6-2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị (có mặt)

Nơi cư trú: Số 70A, đường C, phường K, quận K, Thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần L

Trụ sở: C6, Khu công nghiệp A, xã A, huyện M, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Tiến M, chức danh: Tổng Giám đốc (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 84S, phường 5, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Sỹ Tr, sinh năm 1984; chức danh: Giám đốc (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 16, phường H, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là Công ty Cổ phần C trình bày: Ngày 14/01/2015, Công ty Cổ phần C và Công ty Cổ phần L ký hợp đồng kinh tế số 05/HĐKT/2015 về việc sản xuất, vận chuyển, lắp đặt Cửa Van cống Má Tám. Đến ngày 25/02/2015 tiếp tục ký hợp đồng kinh tế số 16/HĐKT/2015 về việc sản xuất, vận chuyển, lắp đặt Cửa Van cống Xẻo Su. Tổng giá trị 02 hợp đồng là 3.754.374.000 đồng. Các công trình đã nghiệm thu và đưa vào sử dụng đã lâu nhưng Công ty L không thanh toán hết cho Công ty C. Đến tháng 01/2020, Công ty L thanh toán được 40.000.000 đồng, còn nợ lại 107.718.700 đồng thì Công ty C không còn xác nhận công nợ nữa.

Công ty C đã nhiều lần yêu cầu Công ty L thanh toán nhưng Công ty L không thực hiện. Ngày 08/01/2021, Công ty C khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau thì đến ngày 05/02/2021 Công ty L thanh toán 30.000.000 đồng, ngày 06/5/2021 chuyển trả 50.000.000 đồng. Công ty L hứa sẽ thanh toán dứt điểm số tiền còn lại 27.718.700 đồng nên Công ty C đồng ý và rút đơn khởi kiện.

Ngày 17/8/2021, Công ty C gửi văn bản yêu cầu Công ty L trả số tiền 27.718.700 đồng nhưng đến nay Công ty L vẫn không thanh toán. Nay Công ty C yêu cầu Công ty L trả số tiền 27.718.700 đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty L đúng theo quy định pháp luật, nhưng Công ty L không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về thủ tục tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 24, 50, 55 Luật Thương mại, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty L có nghĩa vụ trả cho Công ty C số tiền 27.718.700 đồng. Đồng thời, buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt Công ty L.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Công ty C và Công ty L đều có đăng ký kinh doanh (BL 13 và 93) và đối tượng phát sinh tranh chấp là hợp đồng kinh tế số 05/HĐKT/2015 và hợp đồng kinh tế số 16/HĐKT/2015 về việc sản xuất, vận chuyển, lắp đặt đều có mục đích lợi nhuận giữa các bên. Tại Điều 7 của 02 Hợp đồng kinh tế, các bên có thỏa thuận "Nếu có tranh chấp mà không giải quyết được thì hai bên thống nhất đưa ra Tòa án kinh tế để giải quyết theo quy định pháp luật…" là không cụ thể và chưa phù hợp với quy định pháp luật về thỏa thuận lựa chọn cơ quan tài phán giải quyết tranh chấp khi có phát sinh. Vì vậy, tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các bên là tranh chấp kinh doanh, thương mại và bị đơn có trụ sở tại xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Giữa Công ty C và Công ty L thỏa thuận ký kết hợp đồng kinh tế số 05/HĐKT/2015 và số 16/HĐKT/2015 về việc sản xuất, vận chuyển, lắp đặt Cửa Van cống là thực tế có xảy ra. Xét tính pháp lý của 02 hợp đồng này được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật và được các bên thực hiện. Tuy nhiên, Công ty C đã thực hiện xong nghĩa vụ theo thỏa thuận tại hợp đồng và đã bàn giao công trình nhưng Công ty L thực hiện nghĩa vụ thanh toán trong khoảng thời gian dài chưa dứt điểm. Tại Biên bản hòa giải ngày 12/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau thể hiện: "Công ty C đồng ý cho Công ty L thanh toán số tiền 27.718.700 đồng vào ngày 12/8/2021 và sẽ rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện" (BL 10). Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Công ty L không có văn bản thể hiện ý kiến của mình, cũng như ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như đã phân tích, Hội đồng xét xử có đầy đủ cơ sở xác định Công ty L còn nợ lại Công ty C số tiền 27.718.700 đồng và cam kết trả nhưng đến nay không thực hiện nên yêu cầu khởi kiện của Công ty C là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty L phải chịu án phí kinh doanh thương mại tương ứng với số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 3.000.000 đồng.

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên Công ty C không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, đã nộp tạm ứng được hoàn trả lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự và các Điều 24, 50, 55 Luật Thương mại; áp

dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C.

Buộc Công ty Cổ phần L có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần C số tiền 27.718.700 đồng (Hai mươi bảy triệu bảy trăm mười tám nghìn bảy trăm đồng).

Đối với khoản tiền phải thanh toán. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), chưa nộp.

- Hoàn trả cho Công ty Cổ phần C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 693.000 đồng (Sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng) tại biên lai số 0010722 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Công ty Cổ phần C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Công ty Cổ phần L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Minh Út